

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ P
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 30-12-2021
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ P, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nông Thị Tình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh
2. Ông Trịnh Văn Đăng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân – Cán bộ Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hồng- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 476/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 55/2021/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2021/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2021; Thông báo v/v thay đổi thời gian mở lại phiên tòa số 51/TB-TA ngày 09 tháng 12 năm 2021; Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 42/2021/QĐ-TĐNTHTT ngày 09 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1982.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ T, thôn H, xã A, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1986.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ T, thôn H, xã A, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Nơi cư trú cuối cùng: Tổ T, thôn H, xã A, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

(Ông H có mặt, bà T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông H và bà T kết hôn năm 2011, được UBND xã A, huyện T (nay là thị xã P) cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 05-01-2011. Hôn nhân hai bên là tự nguyện, không bị ép buộc.

Quá trình vợ chồng ông bà chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bà T không quan tâm, chăm lo gia đình mà thường xuyên đánh bạc, chơi đề, gây ra nợ nần. Ông đã nhiều lần khuyên nhủ bà T nhưng không được. Ông bà đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Khoảng năm 2017 – 2018 bà T bỏ đi khỏi địa phương từ đó không về nữa, ông cũng không có tin tức gì của bà T. Ông H đã yêu cầu Tòa án tuyên bố bà T mất tích và được Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu chấp nhận theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 12/2021/QĐST-VDS ngày 30-9-2021. Do đó, ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà T theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Ông H và bà T có 02 con chung tên là Nguyễn Thành H1, sinh ngày 21-6-2011 và Nguyễn Thành H2, sinh ngày 10-11-2012. Sau khi ly hôn ông Nguyễn Văn H yêu cầu được nuôi dưỡng các con chung, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ nhưng không đến Tòa làm việc nên không có lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã P tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

* Về tố tụng:

- Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý hồ sơ là đúng quy định.
- Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử và đương sự là đúng quy định.

* Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn và nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Buộc ông H phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn Văn H có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn, bị đơn bà Nguyễn Thị T có địa chỉ cư trú cuối cùng tại tổ T, thôn H, xã A, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Về quan hệ pháp luật: Ông H yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị T và yêu cầu về nuôi con chung vì vậy quan hệ pháp luật của vụ án được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Ông H và bà T kết hôn năm 2011, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã A, huyện T (nay là thị xã P), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 03 ngày 05-01-2011, nên hôn nhân giữa ông H và bà T là hợp pháp.

Trong thời gian chung sống bà Nguyễn Thị T đã bỏ nhà đi khỏi địa phương khoảng từ năm 2017, 2018. Ông H đã yêu cầu Tòa án tuyên bố một người mất tích đối với bà T và được chấp nhận. Theo quy định tại khoản 2 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình trường hợp vợ hoặc chồng của người bị Tòa án tuyên bố mất tích yêu cầu ly hôn thì Tòa án giải quyết cho ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông H là có căn cứ để chấp nhận.

Về con chung: Căn cứ Giấy khai sinh số 337/2011 ngày 19-7-2011 và Giấy khai sinh số 476/2013 ngày 26-8-2013 của Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thì ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị T có 02 con chung tên là Nguyễn Thành H1, sinh ngày 21-6-2011 và Nguyễn Thành H2, sinh ngày 10-11-2012. Ông H yêu cầu được nuôi dưỡng các con chung, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Xét bà T đã bỏ nhà đi biệt tích hơn 02 năm liền, không liên lạc với gia đình, không hỏi thăm các con. Tại các bản tự khai và biên bản lấy lời khai cháu H1 và cháu H2 có nguyện vọng được sống với ông H sau khi cha mẹ ly hôn. Để không làm ảnh hưởng cuộc sống của con chung, cũng như đảm bảo điều kiện sống, phát triển tốt nhất cho cháu, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình Hội đồng xét xử xét giao cháu Nguyễn Thành H1 và cháu Nguyễn Thành H2 cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thị xã P đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ông Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 235, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

1. Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn H được ly hôn với bà Nguyễn Thị T.

2. Về con chung: Giao cho ông Nguyễn Văn H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng các con chung là cháu Nguyễn Thành H1, sinh ngày 21-6-2011 và cháu Nguyễn Thành H2, sinh ngày 10-11-2012. Bà T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 và Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005939

ngày 08-10-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Ông H đã nộp đủ án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 30-12-2021) các đương sự có mặt có quyền kháng cáo. Đối với các đương sự vắng mặt thì thời hạn này được tính kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết để kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND TX. P, tỉnh BR-VT;
- UBND xã A, TX. P, tỉnh BR-VT;
- Chi cục THADS TX. P, tỉnh BR-VT;
- Lưu: hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Thị Tinh

